

Intermediate Accounting IFRS Edition

Kieso, Weygandt, Warfield

Fourth Edition

CHƯƠNG 1

Đầu tư tài chính

Prepared by

Coby Harmon

University of California, Santa Barbara

Westmont College

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Hai loại tài sản tài chính

- Khoản đầu tư vào công cụ nợ.
- Khoản đầu tư vào công cụ vốn.

Động lực đầu tư:

- Kiếm được tỷ suất lợi nhuận cao.
- Để đảm bảo các thỏa thuận điều hành hoặc tài chính nhất định với một công ty khác (chứng khoán vốn).



Mục tiêu học tập

Sau khi học xong chủ đề này, người học có thể:

- LO 1** Hiểu và vận dụng được kế toán đầu tư vào công cụ nợ.
- LO 2** Hiểu và vận dụng được kế toán đầu tư vào công cụ vốn.
- LO 3** Giải thích được phương pháp vốn chủ sở hữu.
- LO 4** Đánh giá tổn thất.

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

2

TÀI SẢN TÀI CHÍNH

- Nhà đầu tư (Holder/ investor) ghi nhận **Tài sản tài chính** trên Báo cáo tình hình tài chính.

- **Tài sản tài chính được đo lường theo:**

1/Giá gốc phân bổ (Amortised Cost), hoặc

2/Giá trị hợp lý: chia thành 2 nhóm

- Thay đổi GTHL được ghi nhận vào Vốn chủ sở hữu (OCI):** mô hình Giá trị hợp lý thông qua Thu nhập tổng hợp khác (**FVOCI**)
- Thay đổi GTHL được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động:** mô hình Giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ (**FVTPL**)

TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Hai tiêu chí phân loại tài sản tài chính:

1. **Mô hình kinh doanh** của công ty để quản lý tài sản tài chính là gì?
 - *nắm giữ để thu tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng*
 - *nắm giữ để bán thu lời từ biến động giá trị hợp lý*
2. **Đặc điểm dòng tiền theo hợp đồng** của khoản đầu tư tài chính là gì?
 - *Dòng tiền hợp đồng chỉ bao gồm nợ gốc (principal) và lãi dựa trên số dư nợ gốc vào 1 thời gian xác định (SPPI).*
 - *Dòng tiền khác*

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

5

TÀI SẢN TÀI CHÍNH

ĐẶC ĐIỂM DÒNG TIỀN THEO HỢP ĐỒNG:

Công cụ nợ thỏa mãn đặc điểm của dòng tiền hợp đồng KHI các điều khoản trong hợp đồng **chỉ** yêu cầu thanh toán **Nợ gốc và lãi tại một ngày xác định**

- Khoản thanh toán nợ gốc và lãi phải có mục đích bù đắp cho **rủi ro tín dụng** và **giá trị dòng tiền theo thời gian** trong hợp đồng vay. Khoản thanh toán cũng có thể bao gồm thanh toán cho rủi ro thanh khoản (liquidity risk) và lợi nhuận biên (profit margin)
- Nếu khoản thanh toán liên quan đến những biến động và rủi ro khác, như: rủi ro thay đổi giá trị vốn chủ sở hữu, rủi ro giá hàng hóa hoặc các biến động khác..., công cụ này sẽ **không** thỏa mãn đặc điểm của dòng tiền hợp đồng

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

7

TÀI SẢN TÀI CHÍNH

MÔ HÌNH KINH DOANH: là cách DN quản lý tài sản để tạo ra dòng tiền

- Tài sản tài chính có thể được sử dụng để **tạo ra dòng tiền từ chính bản thân tài sản đó, hoặc từ việc bán tài sản, hoặc cả hai**
- Việc xác định mô hình kinh doanh cần dựa trên Danh mục đầu tư, KHÔNG dựa trên một công cụ riêng lẻ, và cũng không dựa trên cấp độ toàn đơn vị báo cáo. Một đơn vị có thể có nhiều mô hình kinh doanh để quản lý tài sản tài chính
- Những nhân tố xét đến khi kiểm tra mô hình kinh doanh bao gồm: nhưng không giới hạn ở các yếu tố sau:
 - + Các thức mà tình hình hoạt động của TS được báo cáo cho nhân sự quản lý?
 - + Cách thức mà các nhà quản lý của DN được thưởng (vd: thưởng dựa trên sự thay đổi giá trị hợp lý của danh mục tài sản tài chính mà họ quản lý?)
 - + Tần suất, thời gian, và số lượng tài sản được bán trước hạn
 - + Sự điều chỉnh dòng tiền từ trả nợ lãi suất sang thành lãi suất cố định bằng cách dùng công cụ phái sinh (ví dụ công cụ hoán đổi lãi suất) không phải là dấu hiệu thay đổi mô hình kinh doanh.

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

6

TÀI SẢN TÀI CHÍNH

1/Đầu tư vào công cụ nợ: có thời gian đáo hạn và lãi suất rõ ràng, nên có thể đo lường theo Giá gốc phân bổ hoặc giá trị hợp lý tùy thuộc **mô hình kinh doanh** và **đặc điểm dòng tiền hợp đồng(*)**

- a/ Đo lường theo **giá gốc phân bổ (Amortised Cost)**: nếu mô hình kinh doanh là nắm giữ **chỉ** để thu tiền theo thỏa thuận hợp đồng & Dòng tiền thu được (SPPI)
- b/ Đo lường theo **FVOCI**: nếu Mô hình kinh doanh là nắm giữ để thu tiền theo hợp đồng hoặc để bán & Dòng tiền thu được (SPPI)
- c/ Đo lường theo **FVTPL**: áp dụng cho các trường hợp khác, ví dụ: nắm giữ chỉ để bán, hoặc dòng tiền thu được không phải SPPI

2/ Đầu tư vào công cụ vốn: không có thời gian đáo hạn và lãi suất xác định sẵn nên sẽ không hợp lý nếu đo lường theo giá gốc. Do đó chỉ có thể đo lường theo **giá trị hợp lý**:

- a/**FVTPL**: Hầu hết trường hợp đầu tư vào công cụ vốn đều đo lường theo giá trị hợp lý, chênh lệch GTHL ghi vào P/L (FVTPL), trừ trường hợp b
- b/**FVOCI**: áp dụng khi DN **chọn lựa** ghi nhận chênh lệch vào OCI với công cụ không nắm giữ để bán.

(*) DN được phép chỉ định áp dụng mô hình FVTPL cho tất cả TS tài chính của mình, nếu điều này giúp thông tin cung cấp được phù hợp hơn

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

8

Tóm tắt Đo lường và Ghi nhận Tài sản tài chính

Mô hình đo lường	Ghi nhận ban đầu	Đo lường sau ghi nhận ban đầu	Lãi/lỗ
Giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ (FVTPL)	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý	<ul style="list-style-type: none"> Cổ tức ghi nhận vào P/L Thay đổi GTHL ghi vào P/L Lãi ghi nhận vào P/L
Giá gốc phân bổ (Amortized cost)	Giá trị hợp lý + chi phí giao dịch	Số dư Giá gốc phân bổ	<ul style="list-style-type: none"> Lãi phân bổ ghi vào P/L Lỗ tổn thất ghi nhận vào P/L
Giá trị hợp lý thông qua OCI (FVOCI)	Giá trị hợp lý + chi phí giao dịch	Giá trị hợp lý	<ul style="list-style-type: none"> Cổ tức ghi nhận vào P/L Thay đổi GTHL ghi vào OCI Lãi suất thực ghi vào P/L Lãi lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái: với CC vốn ghi vào OCI; với công cụ nợ ghi vào P/L

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Các khoản đầu tư vào công cụ nợ được đặc trưng bởi dòng tiền thanh toán theo hợp đồng vào những ngày cụ thể, bao gồm:

- Nợ gốc và
- Lãi trên số dư nợ còn lại.

Các công ty **phân loại các khoản đầu tư công cụ nợ** thành 3 loại:

1. Giữ để thu dòng tiền theo hợp đồng
2. Giữ để thu dòng tiền theo hợp đồng và bán
3. Chứng khoán kinh doanh (Trading securities)

MỤC TIÊU 1

Hiểu và vận dụng được kế toán đầu tư vào **CÔNG CỤ NỢ**



ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Phân loại các khoản đầu tư công cụ nợ dựa vào **mục đích nắm giữ**:

1. Giữ để thu dòng tiền theo hợp đồng
2. Giữ để thu dòng tiền theo hợp đồng và bán
3. Chứng khoán kinh doanh (Trading securities)

Category	Valuation	Unrealized Gains or Losses	Other Income
Held-for-collection	Amortized cost	Not recognized	Interest when earned; gains and losses from sale.
Held-for-collection and selling	Fair value	Recognized as other comprehensive income and as a separate component of equity	Interest when earned; gains and losses from sale.
Trading securities	Fair value	Recognized in net income	Interest when earned; gains and losses from sale.

MINH HỌA 17.2

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng (HFC)

Công cụ nợ theo Giá gốc phân bổ (Debt Investment at Amortized Cost)

Minh họa 1: Robinson đã mua trái phiếu mệnh giá 100.000€, lãi suất 8% của Evermaster vào ngày 01/01/2022 với giá chiết khấu là 92.278€. Trái phiếu đáo hạn vào ngày 01/01/2027 và có **lãi suất thực tế 10%**; tiền lãi được trả vào ngày 01/07 và ngày 01/01 hàng năm. Robinson ghi lại khoản đầu tư như sau:

1/1/2022

Đầu tư vào công cụ Nợ (AC)	92,278
Tiền	92,278

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

13

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng (HFC)

Công cụ nợ theo Giá gốc phân bổ (Debt Investment at Amortized Cost)

8% Bonds Purchased to Yield 10%				
Date	Cash Received	Interest Revenue	Bond Discount Amortization	Carrying Amount of Bonds
1/1/22				€ 92,278
7/1/22	€ 4,000 ^a	€ 4,614 ^b	€ 614 ^c	92,892 ^d
1/1/23	4,000	4,645	645	93,537
7/1/23	4,000	4,677	677	94,214
1/1/24	4,000	4,711	711	94,925
7/1/24	4,000	4,746	746	95,671
1/1/25	4,000	4,783	783	96,454
7/1/25	4,000	4,823	823	97,277
1/1/26	4,000	4,864	864	98,141
7/1/26	4,000	4,907	907	99,048
1/1/27	4,000	4,952	952	100,000
	€40,000	€47,722	€7,722	

^a€4,000 = €100,000 × .08 × ½

^b€4,614 = €92,278 × .10 × ½

^c€614 = €4,614 – €4,000

^d€92,892 = €92,278 + €614

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

MINH HỌA 17.3

14

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng (HFC)

Công cụ nợ theo Giá gốc phân bổ (Debt Investment at Amortized Cost)

8% Bonds Purchased to Yield 10%				
Date	Cash Received	Interest Revenue	Bond Discount Amortization	Carrying Amount of Bonds
1/1/22				€ 92,278
7/1/22	€ 4,000 ^a	€ 4,614 ^b	€ 614 ^c	92,892 ^d

Robinson ghi nhận việc nhận khoản thanh toán lãi nửa năm đầu tiên vào ngày **01/07/2022** như sau:

Tiền	4,000
Đầu tư vào công cụ nợ (AC)	614
Doanh thu lãi	4,614

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

15

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng (HFC)

Công cụ nợ theo Giá gốc phân bổ (Debt Investment at Amortized Cost)

8% Bonds Purchased to Yield 10%				
Date	Cash Received	Interest Revenue	Bond Discount Amortization	Carrying Amount of Bonds
1/1/22				€ 92,278
7/1/22	€ 4,000 ^a	€ 4,614 ^b	€ 614 ^c	92,892 ^d
1/1/23	4,000	4,645	645	93,537

Robinson có năm tài chính theo năm dương lịch, ghi nhận tiền lãi dồn tích và phân bổ khoản chiết khấu vào ngày **31/12/2022** như sau:

Phải thu lãi	4,000
Đầu tư vào công cụ nợ (AC)	645
Doanh thu lãi	4,645

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

16

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng (HFC)

Công cụ nợ theo Giá gốc phân bổ (Debt Investment at Amortized Cost)

Statement of Financial Position

Long-term investments	
Debt investments	€93,537
Current assets	
Interest receivable	€ 4,000

Income Statement

Other income and expense	
Interest revenue (€4,614 + €4,645)	€ 9,259

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

17

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng (HFC)

Công cụ nợ theo Giá gốc phân bổ (Debt Investment at Amortized Cost)

Selling price of bonds (exclusive of accrued interest)	€99,750
Less: Book value of bonds on November 1, 2024:	
Amortized cost, July 1, 2024	€95,671
Add: Discount amortized for the period July 1, 2024, to November 1, 2024	522
	96,193
Gain on sale of bonds	€ 3,557

Tiền (€99,750 + €2,667)	102,417
Phải thu lãi (4/6 × €4,000)	2,667
Đầu tư vào công cụ nợ	96,193
Lãi từ bán khoản đầu tư	3,557

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

19

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng (HFC)

Công cụ nợ theo Giá gốc phân bổ (Debt Investment at Amortized Cost)

Giả sử **Robinson bán** khoản đầu tư vào ngày **01/11/2024** với giá 99,750 cộng với tiền lãi dồn tích. Robinson phải ghi nhận khoản phân bổ chiết khấu từ ngày 01/07/2024 đến ngày 01/11/2024.

8% Bonds Purchased to Yield 10%				
Date	Cash Received	Interest Revenue	Bond Discount Amortization	Carrying Amount of Bonds
1/1/22				€ 92,278
7/1/22	€ 4,000 ^a	€ 4,614 ^b	€ 614 ^c	92,892 ^d
1/1/23	4,000	4,645	645	93,537
7/1/23	4,000	4,677	677	94,214
1/1/24	4,000	4,711	711	94,925
7/1/24	4,000	4,746	746	95,671
1/1/25	4,000	4,783	783	96,454

Phải thu lãi	2,667
Đầu tư vào công cụ nợ (AC)	522
Doanh thu lãi	3,189

LO 1

18

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng và bán (HFCS)

Công cụ nợ theo FVOCI (Debt Investment at FVOCI)

Các khoản đầu tư nợ nắm giữ để thu dòng tiền và bán được hạch toán giống như các khoản **đầu tư nợ nắm giữ để thu dòng tiền** trong kỳ báo cáo. Tức là chúng được ghi nhận theo giá gốc phân bổ.

Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo, các công ty:

- Điều chỉnh giá gốc phân bổ về giá trị hợp lý.
- Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện nào đều được báo cáo như một phần của **Thu nhập toàn diện khác (other comprehensive income)** chứ không phải trong báo cáo lãi lỗ.

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

20

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng và bán (HFCS)
Công cụ nợ theo FVOCI (Debt Investment at FVOCI)

Minh họa 2: Graff mua trái phiếu 5 năm mệnh giá £100,000, **lãi suất 10%**, vào ngày 01/01/2022, với lãi phải trả vào ngày 01/07 và ngày 01/01. Trái phiếu được bán với giá £108,111, tức phụ trội là £8,111 và **lãi suất thực tế là 8%**. Graff ghi lại việc mua trái phiếu như sau:

Đầu tư vào công cụ Nợ	108,111
Tiền	108,111

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

21

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng và bán (HFCS)
Công cụ nợ theo FVOCI (Debt Investment at FVOCI)

10% Bonds Purchased to Yield 8%				
Date	Cash Received	Interest Revenue	Bond Premium Amortization	Carrying Amount of Bonds
1/1/22				£108,111
7/1/22	£ 5,000 ^a	£ 4,324 ^b	£ 676 ^c	107,435 ^d
1/1/23	5,000	4,297	703	106,732
7/1/23	5,000	4,269	731	106,001
1/1/24	5,000	4,240	760	105,241
7/1/24	5,000	4,210	790	104,451
1/1/25	5,000	4,178	822	103,629
7/1/25	5,000	4,145	855	102,774
1/1/26	5,000	4,111	889	101,885
7/1/26	5,000	4,075	925	100,960
1/1/27	5,000	4,040	960	100,000
	£50,000	£41,889	£8,111	

^a£5,000 = £100,000 × .10 × ½^b£4,324 = £108,111 × .08 × ½^c£676 = £5,000 – £4,324^d£107,435 = £108,111 – £676

LO 1

MINH HỌA 17.6

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

22

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng và bán (HFCS)
Công cụ nợ theo FVOCI (Debt Investment at FVOCI)

10% Bonds Purchased to Yield 8%				
Date	Cash Received	Interest Revenue	Bond Premium Amortization	Carrying Amount of Bonds
1/1/22				£108,111
7/1/22	£ 5,000 ^a	£ 4,324 ^b	£ 676 ^c	107,435 ^d

Bút toán ghi nhận doanh thu lãi ngày **01/07/2022** như sau:

Tiền	5,000
Đầu tư vào công cụ nợ	676
Doanh thu lãi	4,324

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

23

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng và bán (HFCS)
Công cụ nợ theo FVOCI (Debt Investment at FVOCI)

10% Bonds Purchased to Yield 8%				
Date	Cash Received	Interest Revenue	Bond Premium Amortization	Carrying Amount of Bonds
1/1/22				£108,111
7/1/22	£ 5,000 ^a	£ 4,324 ^b	£ 676 ^c	107,435 ^d
1/1/23	5,000	4,297	703	106,732

Ngày 31/12/2022, Graff thực hiện bút toán sau để ghi nhận doanh thu từ tiền lãi.

Phải thu lãi	5,000
Đầu tư vào công cụ nợ	703
Doanh thu lãi	4,297

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

24

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng và bán (HFCS)
Công cụ nợ theo FVOCI (Debt Investment at FVOCI)

10% Bonds Purchased to Yield 8%				
Date	Cash Received	Interest Revenue	Bond Premium Amortization	Carrying Amount of Bonds
1/1/22				£108,111
7/1/22	£ 5,000 ^a	£ 4,324 ^b	£ 676 ^c	107,435 ^d
1/1/23	5,000	4,297	703	106,732

Ngày 31/12/2022, **giá trị hợp lý** của trái phiếu là **£105.000**. Graff thực hiện bút toán sau:

Lỗi chưa thực hiện (OCI)	1,732
Điều chỉnh theo FV đầu tư vào công cụ nợ	1,732

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

25

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng và bán (HFCS)
Công cụ nợ theo FVOCI (Debt Investment at FVOCI)

Minh họa 3: (Danh mục chứng khoán): Webb có hai loại chứng khoán nợ được phân loại là giữ để thu dòng tiền và bán. Minh họa dưới đây xác định giá gốc phân bổ, giá trị hợp lý và số tiền lãi hoặc lỗ chưa thực hiện.

HFCS Debt Security Portfolio December 31, 2022			
Investments	Amortized		Unrealized Gain (Loss)
	Cost	Fair Value	
Watson SE 8% bonds	€ 93,537	€103,600	€10,063
Anacomp Group 10% bonds	200,000	180,400	(19,600)
Total of portfolio	€293,537	€284,000	(9,537)
Previous fair value adjustment balance			-0-
Fair value adjustment—Cr.			€ (9,537)

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

MINH HỌA 17.7

26

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

HFCS Debt Security Portfolio December 31, 2022			
Investments	Amortized		Unrealized Gain (Loss)
	Cost	Fair Value	
Watson SE 8% bonds	€ 93,537	€103,600	€10,063
Anacomp Group 10% bonds	200,000	180,400	(19,600)
Total of portfolio	€293,537	€284,000	(9,537)
Previous fair value adjustment balance			-0-
Fair value adjustment—Cr.			€ (9,537)

Bút toán điều chỉnh mà **Webb** sẽ thực hiện vào ngày **31/12/2022** để ghi nhận khoản điều chỉnh giảm:

Lỗi chưa thực hiện (OCI)	9,537
Điều chỉnh theo FV đầu tư vào công cụ nợ	9,537

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

MINH HỌA 17.7

27

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng và bán (HFCS)
Công cụ nợ theo FVOCI (Debt Investment at FVOCI)

Trường hợp công ty **bán trái phiếu trước ngày đáo hạn**:

- Công ty phải thực hiện các bút toán để xóa sổ tài khoản **Đầu tư công cụ nợ** theo giá gốc phân bổ của trái phiếu đã bán.
- Mọi khoản **lãi hoặc lỗ** thực hiện được khi bán trái phiếu đều được báo cáo trong phần **“Thu nhập và chi phí khác”** của Báo cáo thu nhập.

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

28

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng và bán (HFCS)
Công cụ nợ theo FVOCI (Debt Investment at FVOCI)

Webb đã bán trái phiếu Watson (từ Minh họa 17.7) vào ngày 01/07/2023 với giá **€90.000**, tại thời điểm đó nó có giá trị phân bổ là **€94.214**.

Amortized cost (Watson bonds)	€94,214
Less: Selling price of bonds	90,000
Loss on sale of bonds	€ 4,214

Tiền	90,000
Lỗ từ bán khoản đầu tư	4,214
Đầu tư vào công cụ nợ	94,214

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

MINH HỌA 17.8

29

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để thu dòng tiền hợp đồng và bán (HFCS)
Công cụ nợ theo FVOCI (Debt Investment at FVOCI)

Thông tin trên Báo cáo tài chính của **Webb** vào ngày 31/12/2023

Statement of Financial Position	
Investments	
Debt investments (HFCS)	€195,000
Current assets	
Interest receivable	€ xxx
Equity	
Accumulated other comprehensive loss	€ 5,000
Income Statement	
Other income and expense	
Interest revenue	€ xxx
Loss on sale of investments	€ 4,214

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

MINH HỌA 17.10

31

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ - HFCS

Giả sử không có hoạt động mua bán trái phiếu nào khác trong năm 2023, **Webb** xác định giá trị hợp lý của Trái phiếu Anacomp Group vào ngày 31/12/2023 là €195.000.

HFCS Debt Security Portfolio December 31, 2023			
Investments	Amortized Cost	Fair Value	Unrealized Gain (Loss)
Anacomp Group 10% bonds (total portfolio)	€200,000	€195,000	€(5,000)
Previous fair value adjustment balance—Cr.			(9,537)
Fair value adjustment—Dr.			€ 4,537

Điều chỉnh theo FV đầu tư vào công cụ nợ	4,537
Lãi/ Lỗ chưa thực hiện (OCI)	4,537

MINH HỌA 17.9

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

30

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để bán (thương mại) (HFT)
Công cụ nợ theo FVPL (Debt Investment at FVTPL)

Các công ty có thể nắm giữ các khoản đầu tư **CÔNG CỤ NỢ** với ý định bán chúng trong một khoảng thời gian ngắn. Những khoản đầu tư nợ này thường được gọi là **đầu tư thương mại (trading investments)/chứng khoán kinh doanh**.



LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

32

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để bán (thương mại) (HFT)

Công cụ nợ theo FVPL (Debt Investment at FVTPL)

Các khoản đầu tư vào công cụ nợ để bán được hạch toán giống như các khoản đầu tư nắm giữ để thu dòng tiền trong kỳ báo cáo. Tức là chúng được ghi nhận theo giá gốc phân bổ.

Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo, các công ty:

- Điều chỉnh giá gốc phân bổ về giá trị hợp lý.
- Các khoản **lãi/lỗ chưa thực hiện** được báo cáo như một phần của **thu nhập thuần**.

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

33

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để bán (thương mại) (HFT)

Công cụ nợ theo FVPL (Debt Investment at FVTPL)

Minh họa 4: Ngày 31/12/2022, **Western Publishing** xác định việc phân bổ danh mục chứng khoán kinh doanh của mình như trong Minh họa 17.10. Vào ngày mua, Western Publishing đã ghi nhận các chứng khoán kinh doanh này theo giá gốc vào tài khoản **Đầu tư công cụ nợ**. Đây là lần đánh giá đầu tiên của danh mục đầu tư này.

Trading Debt Security Portfolio December 31, 2022			
Investments	Amortized Cost	Fair Value	Unrealized Gain (Loss)
Burlington Northern 6% bonds	€ 43,860	€ 51,500	€ 7,640
GM Corporation 7% bonds	184,230	175,200	(9,030)
Charter Communications 8% bonds	86,360	91,500	5,140
Total of portfolio	€314,450	€318,200	3,750
Previous fair value adjustment balance			-0-
Fair value adjustment—Dr.			€ 3,750

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

MINH HỌA 17.11

34

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Nắm giữ để bán (thương mại) (HFT)

Công cụ nợ theo FVPL (Debt Investment at FVTPL)

Trading Debt Security Portfolio December 31, 2022			
Investments	Amortized Cost	Fair Value	Unrealized Gain (Loss)
Burlington Northern 6% bonds	€ 43,860	€ 51,500	€ 7,640
GM Corporation 7% bonds	184,230	175,200	(9,030)
Charter Communications 8% bonds	86,360	91,500	5,140
Total of portfolio	€314,450	€318,200	3,750
Previous fair value adjustment balance			-0-
Fair value adjustment—Dr.			€ 3,750

Điều chỉnh theo FV đầu tư vào công cụ nợ	3,750
Lãi chưa thực hiện (P/L)	3,750

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc. MINH HỌA 17.11

35

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Lựa chọn giá trị hợp lý (Fair Value Option)

Các công ty có quyền lựa chọn báo cáo hầu hết các **TÀI SẢN TÀI CHÍNH** theo **giá trị hợp lý**, với tất cả các khoản **lãi và lỗ** liên quan đến thay đổi giá trị hợp lý được trình bày trong **Báo cáo thu nhập**.

- Áp dụng trên **cơ sở từng công cụ**.
- Nhìn chung, việc lựa chọn này chỉ được áp dụng khi công ty mua tài sản tài chính lần đầu hoặc phát sinh nợ phải trả tài chính lần đầu.
- Nếu đã áp dụng **lựa chọn giá trị hợp lý** cho một công cụ tài chính, công ty **bắt buộc phải đo lường công cụ đó theo giá trị hợp lý** cho đến khi không còn quyền sở hữu công cụ nữa.

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

36

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Lựa chọn giá trị hợp lý (Fair Value Option)

Minh họa 5: Hardy mua trái phiếu do Ngân hàng Trung ương Đức phát hành. Hardy có kế hoạch giữ khoản đầu tư vào công cụ nợ cho đến khi nó đáo hạn sau 5 năm nữa. Ngày 31/12/2022, giá gốc của khoản đầu tư này là €100.000; giá trị hợp lý là €113.000. Nếu Hardy chọn phương án giá trị hợp lý để đánh giá khoản đầu tư này thì Hardy sẽ ghi vào bút toán sau vào ngày 31/12/2022:

Đầu tư vào công cụ nợ (NH trung ương Đức)	13,000
Lãi/Lỗ chưa thực hiện (P/L)	13,000

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

37

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Lựa chọn giá trị hợp lý (Fair Value Option)

Trong tình huống này,

- Hardy sử dụng tài khoản **Đầu tư vào công cụ nợ** để ghi lại những thay đổi về giá trị hợp lý vào ngày 31/12.
- Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện** được ghi nhận như **một phần của thu nhập thuần** dù công ty đang quản lý tài khoản đầu tư trên cơ sở nắm giữ để thu dòng tiền.
- Hardy phải tiếp tục sử dụng phương pháp giá trị hợp lý để ghi nhận khoản đầu tư này cho đến khi công ty không còn quyền sở hữu chứng khoán đó nữa.

LO 1

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

38

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ NỢ

Mục đích (Mô hình kinh doanh)	Mô hình đo lường	Đo lường ban đầu	Sau ghi nhận ban đầu
Nắm giữ để thu dòng tiền theo hợp đồng (HFC)	Giá gốc phân bổ (AC)	FV+CP giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> Đo lường theo giá gốc phân bổ còn lại Doanh thu lãi đưa vào PL theo lãi suất thực
Nắm giữ để thu dòng tiền theo hợp đồng hoặc để bán (HFCS)	Đo lường theo giá trị hợp lý, chênh lệch đưa vào OCI (FVOCI)	FV+CP giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> Đo lường theo FV Quản lý theo danh mục đầu tư (Có thể Sử dụng TK <i>Điều chỉnh giá trị hợp lý</i>) Chênh lệch FV và giá gốc phân bổ còn lại đưa vào OCI (TK <i>Lãi lỗ chưa thực hiện – VCSH</i>). Doanh thu lãi đưa vào PL theo lãi suất thực
Mục đích thương mại (HFT)	Đo lường theo giá trị hợp lý, chênh lệch đưa vào lãi lỗ (FVPL)	FV	<ul style="list-style-type: none"> Đo lường theo FV Quản lý theo danh mục đầu tư (Có thể Sử dụng TK <i>Điều chỉnh giá trị hợp lý</i>) Chênh lệch FV đưa vào PL Doanh thu lãi đưa vào PL theo lãi suất thực

MỤC TIÊU 2

Hiểu và vận dụng được kế toán khoản đầu tư vào công cụ vốn



LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

40

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

☐ Mục đích:

- quyền lợi sở hữu, chẳng hạn như: cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi hoặc cổ phiếu vốn khác.
- quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu ở mức giá đã thỏa thuận hoặc có thể xác định được, ví dụ như: chứng quyền và quyền.

☐ Giá gốc:

- **Giá mua chứng khoán -> giá gốc**
- Hoa hồng và phí môi giới được ghi nhận là **chi phí**.

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

41

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Phương pháp kế toán

Mức độ mà một công ty (*nhà đầu tư*) có được quyền lợi trong cổ phiếu phổ thông của một công ty khác (*bên nhận đầu tư*) sẽ quyết định cách xử lý kế toán cho khoản đầu tư sau khi mua lại.

Percentage of Ownership	0%	20%	50%	100%
Level of influence	Little or None	Significant	Control	
Valuation method	Fair Value	Equity Method	Consolidation	

MINH HỌA 17.12

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

42

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Kế toán và trình bày

Category	Valuation	Unrealized Holding Gains or Losses	Other Income Effects
Holdings less than 20%			
1. Trading	Fair value	Recognized in net income	Dividends declared; gains and losses from sale.
2. Non-Trading Option	Fair value	Recognized in "Other comprehensive income" and as separate component of equity	Dividends declared; gains and losses from sale.
Holdings between 20% and 50%	Equity method	Not recognized	Proportionate share of investee's net income.
Holdings more than 50%	Consolidation	Not recognized	Not applicable.

MINH HỌA 17.13

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

43

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Nắm giữ dưới 20%

- ☐ Theo **IFRS**, giả định là các khoản đầu tư công cụ vốn được **nắm giữ để kinh doanh** -> **Tài sản tài chính đo lường theo FVPL**.

Khi đó:

- Các khoản đầu tư được đánh giá theo **giá trị hợp lý**.
 - Ghi nhận các khoản **lãi và lỗ chưa thực hiện** vào **thu nhập thuần**.
- ☐ **Lưu ý:** IFRS cho phép các công ty lựa chọn phân loại một số khoản đầu tư công cụ vốn là công cụ **không nắm giữ để bán (non-trading)** vào nhóm **Tài sản tài chính đo lường theo FVOCI**. Khi đó:
- Các khoản đầu tư được đánh giá theo **giá trị hợp lý**.
 - Ghi nhận các khoản **lãi và lỗ chưa thực hiện** vào **OCI** (thu nhập tổng hợp khác).

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

44

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Nắm giữ dưới 20% - Thương mại

Minh họa 6: Ngày 03/11/2022, Republic đã mua cổ phiếu phổ thông của 3 công ty, mỗi khoản đầu tư chiếm tỷ lệ lợi ích dưới 20%. **Những cổ phiếu này được nắm giữ để kinh doanh.**

	Cost
Burberry	€259,700
Nestlé	317,500
St. Regis Pulp Co.	141,350
Total cost	€718,550

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

45

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Republic ghi nhận các khoản đầu tư này ngày **03/11/2022** như sau:

Đầu tư vào công cụ vốn	718,550
Tiền	718,550

Ngày **06/12/2022**, Republic **nhận được cổ tức** bằng tiền mặt trị giá €4.200 cho khoản đầu tư vào cổ phiếu phổ thông của Nestlé.

Tiền	4,200
Doanh thu cổ tức	4,200

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

46

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Ngày **31/12/2022**, danh mục đầu tư công cụ vốn của Republic có giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được trình bày như sau:

Equity Investment Portfolio December 31, 2022			
Investments	Carrying Value	Fair Value	Unrealized Gain (Loss)
Burberry	€259,700	€275,000	€ 15,300
Nestlé	317,500	304,000	(13,500)
St. Regis Pulp Co.	141,350	104,000	(37,350)
Total of portfolio	€718,550	€683,000	(35,550)
Previous fair value adjustment balance			-0-
Fair value adjustment—Cr.			€(35,550)

Lãi/Lỗ chưa thực hiện (P/L)	35,550
Điều chỉnh theo FV đầu tư vào công cụ vốn	35,550

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

MINH HỌA 17.14

47

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Ngày **23/01/2023**, Republic đã **bán** toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Burberry, nhận được €287,220.

Net proceeds from sale	€287,220
Cost of Burberry shares	259,700
Gain on sale of shares	€ 27,520

MINH HỌA 17.15

Tiền	287,220
Đầu tư vào công cụ vốn	259,700
Lãi từ bán khoản đầu tư	27,520

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

48

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Ngoài ra, giả sử rằng **Ngày 10/02/2023**, Republic **mua €255.000 cổ phiếu phổ thông của Continental Trucking** (20.000 cổ phiếu với giá €12,75/CP), hoa hồng môi giới là €1.850. Danh mục đầu tư công cụ vốn của Republic tính đến ngày 31/12/2023 như sau.

Investments	Carrying Value	Fair Value	Unrealized Gain (Loss)
Continental Trucking	€255,000 ^a	€278,350	€ 23,350
Nestlé	317,500	362,550	45,050
St. Regis Pulp Co.	141,350	139,050	(2,300)
Total of portfolio	€713,850	€779,950	66,100
Previous fair value adjustment balance—Cr.			(35,550)
Fair value adjustment—Dr.			€101,650

^aThe brokerage commissions are expensed.

MINH HỌA 17.16

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

49

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Investments	Carrying Value	Fair Value	Unrealized Gain (Loss)
Continental Trucking	€255,000 ^a	€278,350	€ 23,350
Nestlé	317,500	362,550	45,050
St. Regis Pulp Co.	141,350	139,050	(2,300)
Total of portfolio	€713,850	€779,950	66,100
Previous fair value adjustment balance—Cr.			(35,550)
Fair value adjustment—Dr.			€101,650

^aThe brokerage commissions are expensed.

Republic ghi nhận bút toán điều chỉnh vào **31/12/2023** như sau:

Điều chỉnh theo FV đầu tư vào công cụ vốn	101,650
Lãi/ Lỗ chưa thực hiện (P/L)	101,650

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

MINH HỌA 17.16

50

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Nắm giữ dưới 20% - Phi thương mại

- ❑ Trong trường hợp công ty lựa chọn nhóm *Đầu tư vào công cụ vốn* mục đích phi thương mại (không nắm giữ để bán - non-trading) là **Tài sản tài chính đo lường theo FVOCI**, khi đó:
 - ✓ Việc ghi nhận các khoản **Đầu tư công cụ vốn phi thương mại** cũng giống như đối với các khoản đầu tư công cụ vốn thương mại, ngoại trừ việc ghi nhận lãi hoặc lỗ chưa thực hiện.
 - ✓ Các công ty báo cáo lãi hoặc lỗ chưa thực hiện dưới dạng **thu nhập tổng hợp khác (OCI)**.

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN – PHI THƯƠNG MẠI

Minh họa 7: Ngày 10/12/2022, Republic đã mua 1.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Hawthorne với giá €20,75/CP (tổng giá gốc là €20.750). Khoản đầu tư này chiếm ít hơn 20% tỷ lệ lợi ích.

Đầu tư vào công cụ vốn (Hawthorne)	20,750
Tiền	20,750

Ngày **27/12/2022**, Republic nhận được **cổ tức bằng tiền** mặt trị giá €450 cho khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Hawthorne. Công ty ghi nhận cổ tức bằng tiền như sau:

Tiền	450
Doanh thu cổ tức	450

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

51

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

52

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Ngày **31/12/2022**, khoản đầu tư của Republic vào Hawthorne có giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý như sau:

Non-Trading Equity Investment	Carrying Value	Fair Value	Unrealized Gain (Loss)
Hawthorne Company	€20,750	€24,000	€3,250

Republic ghi nhận bút toán điều chỉnh như sau:

Đầu tư vào công cụ vốn (Hawthorne)	3,250
Lãi/ Lỗ chưa thực hiện (OCI)	3,250

Lưu ý: Tài khoản **Đầu tư công cụ vốn** được sử dụng vì Các khoản đầu tư phi kinh doanh (*non trading*) được áp dụng trên cơ sở khoản đầu tư riêng rẽ thay vì trên cơ sở danh mục đầu tư.

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

53

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN – PHI THƯƠNG MẠI

Trình bày báo cáo tài chính các khoản đầu tư công cụ vốn theo giá trị hợp lý (2022)

Statement of Financial Position	
Investments	
Equity investment (Hawthorne)	€24,000
Equity	
Accumulated other comprehensive gain	€ 3,250
Statement of Comprehensive Income	
Other income and expense	
Dividend revenue	€ 450
Other comprehensive income	
Unrealized holding gain	€ 3,250

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

MINH HỌA 17.18

54

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN – PHI THƯƠNG MẠI

Ngày **20/12/2023**, Republic **đã bán toàn bộ** cổ phiếu phổ thông của Công ty Hawthorne và nhận số tiền thu được là €22,500.

Non-Trading Equity Investment	
Fair value of Hawthorne equity investment (December 31, 2022)	€24,000
Fair value of Hawthorne equity investment (December 20, 2023)	22,500
Unrealized Holding Loss—Equity	€ 1,500

Bút toán điều chỉnh giá trị ghi sổ của khoản đầu tư phi thương mại.

Lãi/ Lỗ chưa thực hiện (OCI)	1,500
Đầu tư vào công cụ vốn (Hawthorne)	1,500
Tiền	22,500
Đầu tư vào công cụ vốn (Hawthorne)	22,500

LO 2

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

55

MỤC TIÊU 3

Giải thích được phương pháp vốn chủ sở hữu (Equity method)



LO 3

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

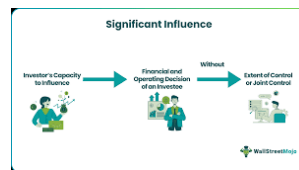
56

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Nắm giữ từ 20% đến 50%

Một khoản đầu tư (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến 50% cổ phần có quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư thì nhà đầu tư có khả năng gây **ảnh hưởng đáng kể** đối với bên nhận đầu tư.

Trong trường hợp có “ảnh hưởng đáng kể”, nhà đầu tư phải kế toán khoản đầu tư theo **phương pháp vốn chủ sở hữu (equity method)**.



LO 3

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

57

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Nắm giữ từ 20% đến 50%

Phương pháp vốn chủ sở hữu

Ghi nhận khoản đầu tư theo **giá gốc** và sau đó **điều chỉnh** giá trị mỗi kỳ theo những **thay đổi trong tài sản thuần** của bên nhận đầu tư.

- Phần **thu nhập (lỗ)** của bên nhận đầu tư tương ứng tỷ lệ lợi ích của nhà đầu tư **làm tăng (giảm)** giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.
- Cổ tức** nhận được từ bên nhận đầu tư làm **giảm** giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Nếu phần **lỗ** của bên nhận đầu tư thuộc về nhà đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì thông thường nhà đầu tư phải ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu và không ghi nhận khoản lỗ bổ sung.

LO 3

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

58

So sánh phương pháp giá trị hợp lý và phương pháp vốn chủ sở hữu

Entries by Maxi Company				
Fair Value		Equity Method		
On January 2, 2022, Maxi Company acquired 48,000 shares (20% of Mini Company ordinary shares) at a cost of \$10 a share.				
Equity Investments	480,000		Equity Investments	480,000
Cash		480,000	Cash	480,000
For the year 2022, Mini Company reported net income of \$200,000; Maxi Company's share is 20%, or \$40,000.				
	No entry		Equity Investments Investment Income	40,000
At December 31, 2022, the Mini Company 48,000 shares have a fair value (market price) of \$12 a share, or \$576,000.				
Fair Value Adjustment Unrealized Holding Gain or Loss—Income	96,000		No entry	
		96,000		
On January 28, 2023, Mini Company announced and paid a cash dividend of \$100,000; Maxi Company received 20%, or \$20,000.				
Cash	20,000		Cash	20,000
Dividend Revenue		20,000	Equity Investments	20,000
For the year 2023, Mini reported a net loss of \$50,000; Maxi Company's share is 20%, or \$10,000.				
	No entry		Investment Loss Equity Investments	10,000
				10,000
At December 31, 2023, the Mini Company 48,000 shares have a fair value (market price) of \$11 a share, or \$528,000.				
Unrealized Holding Gain or Loss—Income	48,000		No entry	
Fair Value Adjustment [((\$480,000 + \$96,000) – \$528,000)]		48,000		

LO 3

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

MINH HỌA 17.20

59

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN

Nắm giữ hơn 50%

Quyền kiểm soát - Khi một công ty mua lại quyền biểu quyết trên 50% ở một công ty khác.

- Nhà đầu tư được gọi là **công ty mẹ**.
- Bên nhận đầu tư được gọi là **công ty con**.
- Đầu tư vào công ty con** được báo cáo trên sổ sách của công ty mẹ như một khoản đầu tư dài hạn.
- Công ty mẹ thường lập **Báo cáo tài chính hợp nhất**.

LO 3

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

60

MỤC TIÊU 4

Đánh giá tổn thất



LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

61

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Khoản đầu tư vào công cụ nợ đo lường theo giá gốc phân bổ

Minh họa 7: Ngày 31/12/2021, **Mayhew** có khoản đầu tư công cụ nợ vào Tập đoàn Bao, được mua theo mệnh giá 200.000 Yên. Khoản đầu tư này có thời hạn 4 năm, lãi suất trả hàng năm là 10%, được trả vào cuối mỗi năm (lãi suất thực tế trước đây là 10%). Khoản đầu tư công cụ nợ này được phân loại là **nắm giữ để thu dòng tiền (HFC)**.

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

63

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Công ty nên đánh giá mọi khoản **Đầu tư công cụ nợ theo giá gốc phân bổ** vào mỗi thời điểm lập báo cáo để xác định xem liệu khoản đầu tư đó có bị **suy giảm giá trị** hay không -> một khoản lỗ (tổn thất) xảy ra khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của nó.

Nếu công ty xác định rằng khoản đầu tư bị **suy giảm**, công ty sẽ ghi **giảm giá gốc phân bổ** của chứng khoán riêng lẻ để phản ánh sự tổn thất giá trị này.

Công ty phản ánh khoản suy giảm này là **khoản lỗ đã thực hiện và** trình bày giá trị này trong **thu nhập thuần (net income)**.

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

62

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Dòng tiền đầu tư và tính toán tổn thất do suy giảm giá trị

MINH HỌA 17.22

December 31	Contractual Cash Flows	Expected Cash Flows	Loss of Cash Flows
2022	¥ 20,000	¥ 16,000	¥ 4,000
2023	20,000	16,000	4,000
2024	20,000	16,000	4,000
2025	220,000	216,000	4,000
Total cash flows	¥280,000	¥264,000	¥16,000

MINH HỌA 17.23

Recorded investment		¥200,000
Less: Present value of ¥200,000 due in 4 years at 10% (Table 6-2); $FV(PVF_{4,10\%})$; $(¥200,000 \times .68301)$	¥136,602	
Present value of ¥16,000 interest receivable annually for 4 years at 10% (Table 6-4); $R(PV/F-OA_{4,10\%})$; $(¥16,000 \times 3.16986)$	50,718	187,320
Loss on impairment		¥ 12,680

Lỗ do suy giảm giá trị (P/L)

12,680

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ nợ (B/S)

12,680

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

64

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Hoàn nhập lỗ do suy giảm giá trị (Recovery of Impairment Loss)

Nếu sau đó khoản lỗ do suy giảm giá trị giảm đi thì một phần hoặc toàn bộ khoản lỗ do suy giảm giá trị đã ghi nhận trước đó sẽ được **hoàn nhập** bằng cách ghi:

Nợ Dự phòng tổn thất đầu tư công cụ nợ (B/S)

Có Phục hồi tổn thất do suy giảm (P/L)

Việc hoàn nhập các khoản lỗ do suy giảm giá trị sẽ **không làm cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá gốc phân bổ** lẽ ra đã được báo cáo nếu khoản suy giảm giá trị đó không được ghi nhận.

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

65

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Hoàn nhập lỗ do suy giảm giá trị

Giả sử ngày **31/03/2023**, Mayhew xác định rằng rủi ro tín dụng của Bao đã giảm đáng kể. Do đó, Mayhew quyết định **hoàn nhập suy giảm** giá trị bằng cách thực hiện bút toán sau:

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ nợ (B/S)	12,680
Phục hồi tổn thất do suy giảm (P/L)	12,680

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

66

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Khoản đầu tư đo lường theo giá trị hợp lý (HFCS)

Các công ty có khoản **Đầu tư công cụ nợ nắm giữ để thu dòng tiền và bán (HFCS)** báo cáo khoản đầu tư theo **giá trị hợp lý** và mọi thay đổi về giá trị hợp lý đều được báo cáo trong **thu nhập tổng hợp khác (OCI)**.

Đối với những khoản đầu tư này, các công ty sử dụng **một mô hình suy giảm khác**.

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

67

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Khoản đầu tư đo lường theo giá trị hợp lý (HFCS)

Minh họa: Alexander mua khoản đầu tư công cụ nợ HFCS ngày 01/07/2022 với giá €1.000.000 (bằng mệnh giá). Khoản đầu tư công cụ nợ có lãi suất 7% và ngày đáo hạn là 01/07/2027. Ngày 31/12/2022, **giá trị hợp lý của khoản đầu tư đã giảm xuống còn €960.000 do lãi suất thị trường tăng**. Các bút toán ghi nhận khoản đầu tư công cụ nợ này vào năm 2022 được thể hiện ở **Minh họa 17.24**.

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

68

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Khoản đầu tư đo lường theo giá trị hợp lý (HFCS)

July 1, 2022: To record the purchase of the debt investment.		
Debt Investments	1,000,000	
Cash		1,000,000
December 31, 2022: To record interest revenue on the debt investment.		
Cash $[(€1,000,000 \times .07) \div 2]$	35,000	
Interest Revenue		35,000
December 31, 2022: To record the decrease in fair value of the debt investment.		
Unrealized Holding Gain or Loss—Equity	40,000	
Fair Value Adjustment (€1,000,000 – €960,000)		40,000
December 31, 2022: To close the unrealized gain or loss—equity.		
Accumulated Other Comprehensive Income	40,000	
Unrealized Holding Gain or Loss—Equity		40,000

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc. MINH HỌA 17.24

69

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Khoản đầu tư đo lường theo giá trị hợp lý (HFCS)

Ngày 31/12/2022, BCTC của Alexander như sau:

Statement of Financial Position	
Assets	
Debt investments (€1,000,000 – €40,000)	€960,000
Equity	
Accumulated other comprehensive income (loss)	€(40,000)
Income Statement	
Other income and expense	
Interest revenue	€35,000

LO 4

MINH HỌA 17.25

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

70

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Khoản đầu tư đo lường theo giá trị hợp lý (HFCS)

Điều gì xảy ra nếu sự sụt giảm €40.000 là do

- 1) thay đổi €10.000 do thay đổi lãi suất thị trường và
- 2) sự suy giảm €30.000 do rủi ro tín dụng?

Trong trường hợp này, *bút toán thứ 3* trong **Minh họa 17.24** thay đổi vì khoản lỗ do suy giảm giá trị €30.000 được *báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động* chứ không phải trong thu nhập tổng hợp khác. Các bút toán ghi nhận sự suy giảm và thay đổi trong giá trị hợp lý và bút toán cuối kỳ có liên quan được thể hiện trong **minh họa 17.26**.

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

71

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Khoản đầu tư đo lường theo giá trị hợp lý (HFCS)

Điều gì xảy ra nếu sự sụt giảm €40.000 là do

- 1) thay đổi €10.000 do thay đổi lãi suất thị trường và
- 2) sự suy giảm €30.000 do rủi ro tín dụng?

To record the decrease in the fair value of the debt investment:		
Loss on Impairment	30,000	
Unrealized Holding Gain or Loss—Equity	10,000	
Allowance for Impaired Debt Investments		30,000
Fair Value Adjustment		10,000
To close the Unrealized Gain or Loss—Equity account:		
Accumulated Other Comprehensive Income	10,000	
Unrealized Gain or Loss—Equity		10,000

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc. MINH HỌA 17.26

72

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Ngày **31/12/2022**, BCTC của Alexander như sau:

Statement of Financial Position	
Assets	
Debt investments (€1,000,000 – €20,000 – €10,000)*	€960,000
Equity	
Accumulated other comprehensive loss	€(10,000)
Income Statement	
Other income and expense	
Interest revenue	€35,000
Loss on impairment	30,000

*Fair value adjustment €(10,000); Allowance for impaired debt investments €(30,000)

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc. MINH HỌA 17.27

73

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Khoản đầu tư đo lường theo giá trị hợp lý (HFCS)

Điều gì xảy ra nếu Alexander quyết định giữ khoản đầu tư công cụ nợ và sau đó xác định rằng rủi ro tín dụng đối với khoản đầu tư này đã giảm €15.000? Trong trường hợp này, bút toán được ghi nhận như sau:

Dự phòng tổn thất đầu tư	15,000
Hoàn nhập suy giảm giá trị đầu tư	15,000

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

75

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Khoản đầu tư đo lường theo giá trị hợp lý (HFCS)

Nếu chúng ta giả sử Alexander **bán** khoản đầu tư công cụ nợ của mình vào ngày **01/01/2023** với giá €960.000 (giá trị hợp lý tại thời điểm đó), thì các bút toán như sau:

Tiền	960,000
Lỗ do bán khoản đầu tư	10,000
Dự phòng tổn thất đầu tư	30,000
Đầu tư vào công cụ nợ (HFCS)	1,000,000

Đầu tư vào công cụ nợ (Điều chỉnh FV)	10,000
Lãi/Lỗ chưa thực hiện (OCI)	10,000

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc.

74

SUY GIẢM GIÁ TRỊ (Impairment)

Khoản đầu tư đo lường theo giá trị hợp lý (HFCS)

Cơ sở đo lường tài sản	Mô hình suy giảm giá trị
Các khoản cho vay, phải thu và chứng khoán nợ được tính theo giá gốc phân bổ (AC)	Các khoản lỗ tín dụng dự kiến được ghi nhận vào thu nhập thuần (Expected credit losses recognized in net income).
Chứng khoán nợ được đo lường theo giá trị hợp lý với các khoản lãi và lỗ được ghi nhận vào thu nhập tổng hợp khác (FVOCI)	Lỗ tín dụng dự kiến được ghi nhận vào thu nhập ; thay đổi giá trị hợp lý còn lại được ghi nhận trong thu nhập tổng hợp khác (Expected credit losses recognized in income; remaining fair value change recorded in other comprehensive income).
Chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được đo lường theo giá trị hợp lý với các khoản lãi và lỗ được ghi nhận vào thu nhập thuần (FVPL) .	Sự suy giảm được đo bằng chênh lệch giữa số thấp hơn giữa giá gốc phân bổ và giá trị hợp lý (chứng khoán nợ); hoặc giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị hợp lý (chứng khoán vốn).

LO 4

Copyright ©2020 John Wiley & Sons, Inc. MINH HỌA 17.28

76